

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HS-ST
Ngày 28 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hạnh;

2. Ông Đào Xuân Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Vi Văn Nh - sinh ngày 02 tháng 3 năm 1961 tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: không; Dân tộc: thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Q (đã chết) và bà Vi Thị Q, sinh năm 1938; Vợ: Lang Thị M, sinh năm 1962 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Vi Văn V - sinh ngày 17 tháng 02 năm 1969 tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: không; Dân tộc: thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Th, sinh năm 1952 và bà Lô Thị D, sinh năm 1948; Vợ: Vi Thị L, sinh năm 1969 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 cho đến

nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Vi Văn N - sinh ngày 22 tháng 01 năm 1992 tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn T, sinh năm 1965 và bà Vi Thị B, sinh năm 1966; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lương Văn H - sinh ngày 24 tháng 01 năm 1971 tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: không; Dân tộc: thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Đình H (đã chết) và bà Mạc Thị H, sinh năm 1935; Vợ: Vi Thị B, sinh năm 1972 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 23/7/2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Vi Văn T - sinh ngày 10 tháng 02 năm 1965 tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: không; Dân tộc: thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Q (đã chết) và bà Vi Thị Q, sinh năm 1938; Vợ: Vi Thị B, sinh năm 1966 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2021 đến ngày 30/5/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Đức T - sinh ngày 20 tháng 9 năm 1987 tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn Vĩnh H, xã Bồng Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn A, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; Vợ: Lương Thị Minh, sinh năm 1989 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/5/2021 đến ngày 18/5/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

2. Ông Vi Quang T, sinh năm 1945. Có mặt.

3. Ông Vi Văn L, sinh năm 1965. Có mặt.

4. Anh Vi Văn Th, sinh năm 1984. Có mặt.

5. Anh Lữ Văn T, sinh năm 1975. Có mặt.

6. Anh Lương Văn M, sinh năm 1987. Có mặt.

7. Anh Vi Văn L, sinh năm 1971. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Bản Tổng T, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn Bãi Ổ, xã Chi Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Tiến Th, xã Chi Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2020 đến tháng 5 năm 2021, Vi Văn Nh, Vi Văn V và Vi Văn N cùng bàn bạc thống nhất với nhau đi trộm cắp trâu, bò về mang đi bán kiếm tiền tiêu xài. Cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Vào Khoảng 17 giờ ngày 07/10/2020, Vi Văn N đang ở chòi của mình thuộc khu vực Khe Ó, bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông thì thấy 01 con bò mẹ màu vàng, sừng dài khoảng 10cm, gần 4 năm tuổi và 01 con bò con khoảng 6 tháng tuổi, màu vàng, hai bên thái dương phía trên mắt có hai chấm trắng nhỏ (là bò của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991, trú tại bản Hồng Đ, xã Đôn Ph) đang ăn cỏ gần đó. Thấy vậy, Nh lấy dây thừng buộc vào treo mũi của bò mẹ và dắt bò mẹ cùng bò con vào buộc trong khu vực Khe Hừa, thuộc bản Hồng Đ, xã Đôn Ph sau đó đi về nhà.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 08/10/2020, Nh gọi điện thoại cho Nh đã trộm được hai con bò nói trên. Nh dắt hai con bò nói trên đến khu vực Kha Cặp thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giao cho Nh. Cùng ngày, Nh bán hai con bò cho anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1962, trú tại Thôn Bãi Ổ, xã Chi Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An) với giá 16.000.000 đồng. Nh lấy số tiền 9.500.000 đồng chia cho Nh số tiền 6.500.000 đồng.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng đầu tháng 11 năm 2020 vào buổi tối, Vi Văn V một

mình đi lên khu vực Cắn H thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông tìm bò để trộm. Khi đến nơi, V thấy một đàn bò gồm 03 con, V liền lấy dây thừng mang theo từ nhà cột vào treo mũi của 01 con bò cái, màu vàng, chưa có sừng, cao khoảng 1,2 mét, mũi có xâu treo bằng cước, khoảng 5 năm tuổi (là bò của ông Vi Quang T, sinh năm 1945, trú tại Bản Tổng T, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An). Sau đó, V buộc con bò vừa trộm được vào gốc cây trên đỉnh đồi Cắn H rồi đi bộ về gặp Nh và rủ Nh đi lên khu vực Cắn H để dắt bò về. Lên đến nơi, V cầm dây thừng dắt bò đi trước còn Nh đi theo sau đuổi bò. Khi V và Nh đưa bò về đến Chòi của Nh ở Pù C thuộc bản C, xã Cam L thì thấy Nh đã đứng chờ từ trước. Nh nói buộc bò ở nơi chòi và cả ba người đi về ngủ. Sáng hôm sau, Nh bán con bò vừa trộm được cho anh Nguyễn Văn Th với giá 12.000.000 đồng. Nh chia cho V số tiền 4.000.000 đồng, cho Nh số tiền 2.000.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Khoảng cuối tháng 12 năm 2020 vào buổi tối, V một mình đi lên khu vực Cắn H thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông tìm trâu bò để trộm. Khi đến nơi, V thấy một đàn bò khoảng 04 con, V dùng dao chặt một đoạn dây buộc vào treo mũi của 01 con bò cái, màu vàng, sừng dài khoảng 10cm, cao khoảng 1,2 mét, mũi có xâu treo bằng cước, có chuông đeo ở cổ, khoảng 8 năm tuổi (là bò của anh Vi Văn Thủy, sinh năm 1984, trú tại Bản Tổng T, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An). Sau đó, V buộc con bò vừa trộm được vào gốc cây trên đỉnh đồi Cắn H rồi đi bộ về gọi Nh lên dắt bò về. Lên đến nơi, V dắt bò đi trước còn Nh đi theo sau đuổi bò và đưa bò về buộc ở chòi của Nh ở Pù C thuộc bản C, xã Cam L rồi thông báo cho Nh biết vừa trộm được bò. Ngày hôm sau, Nh bán con bò vừa trộm được cho anh Nguyễn Văn Th với giá 12.000.000 đồng. Sau đó, Nh chia cho V số tiền 3.500.000 đồng, cho Nh số tiền 2.000.000 đồng.

- **Vụ thứ tư:** Khoảng đầu tháng 01 năm 2021 vào buổi tối, V một mình đi lên khu vực Cắn H thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông tìm trâu bò để trộm. Khi đến nơi, V thấy một đàn bò khoảng 03 con đang ăn cỏ, V lấy dây thừng mang đi từ nhà buộc vào treo mũi của 01 con bò cái, màu vàng, sừng dài khoảng 8cm, cao khoảng 1,2 mét, có chuông đeo ở cổ, khoảng 7 năm tuổi (là bò của anh Lữ Văn T, sinh năm 1975, trú tại Bản Tổng T, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An). V buộc con bò vừa trộm được vào gốc cây trên đỉnh đồi Cắn H rồi đi bộ về gọi Nh lên dắt bò về. Lên đến nơi, V dắt bò đi trước còn Nh đi theo sau đuổi bò và đưa bò về buộc ở chòi của Nh ở Pù C thuộc bản C, xã Cam L rồi thông báo cho Nh biết vừa trộm được bò. Ngày hôm sau, Nh bán con bò vừa trộm được cho anh Nguyễn Văn Th với giá 12.000.000 đồng. Nh chia cho V số tiền 4.000.000 đồng, cho Vi Văn N số tiền 2.000.000 đồng.

- **Vụ thứ năm:** Khoảng đầu tháng 02 năm 2020 vào buổi tối, V đi một

mình lên khu vực Cắn H thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông tìm trâu bò để trộm. Khi đến nơi, V thấy một con bò cái, màu vàng, chưa có sừng, khoảng 4 năm tuổi, mũi không có treo, cao khoảng 1,1 mét (là bò của anh Lương Văn M, sinh năm 1987, trú tại Bản Tổng T, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông). V lấy ống giang làm treo xâu vào mũi con bò và buộc con bò vào gốc cây trên đỉnh đồi Cắn H rồi đi bộ về gọi Nh lên dắt bò về. Lên đến nơi, V dắt bò đi trước còn Nh đi theo sau đuổi bò và đưa bò về nhà Nh ở bản C, xã Cam L rồi cùng nhau làm thịt. Sau đó, Nh chia cho V 2kg thịt và số tiền 2.500.000 đồng, chia cho Nh 3kg thịt và số tiền 500.000 đồng.

- **Vụ thứ sáu:** Khoảng tháng 3 năm 2021 vào buổi tối, V tiếp tục đi một mình lên khu vực Cắn H thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông tìm trâu bò để trộm. Khi đến nơi, V thấy 01 con bò cái, màu vàng, khoảng 4 năm tuổi, có treo mũi và cổ đeo mọ, cao khoảng 1,2 mét (là bò của anh Vi Văn L, sinh năm 1965, trú tại Bản Tổng T, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông). V lấy dây rừng xâu vào treo mũi con bò nói trên và buộc vào gốc cây trên đỉnh đồi Cắn H rồi đi bộ về gọi Nh lên dắt bò về. Lên đến nơi, V dắt bò đi trước còn Nh đi theo sau đuổi bò và đưa bò về buộc ở chòi của Nh ở Pù C thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An rồi về báo cho Nh biết. Ngày hôm sau, Nh đã thả con bò nói trên do thấy nhiều người dân bị mất trộm đi tìm, sợ bị lộ và thông báo cho V và Nh biết. Đến nay, con bò trên bị hại vẫn chưa tìm thấy, ở đâu không rõ.

- **Lần thứ bảy:** Khoảng đầu tháng 5 năm 2021 vào buổi tối, V tiếp tục đi một mình lên khu vực Cắn H thuộc bản C, xã Cam L, huyện Con Cuông tìm trâu bò để trộm. Khi đến nơi, V thấy 03 con trâu đang ăn cỏ. V dùng dây rừng buộc vào treo mũi 01 con trâu cái, màu đen, khoảng 8 năm tuổi, cao khoảng 1,3 mét, sừng dài khoảng 50cm (là trâu của anh Vi Văn L, sinh năm 1971, trú tại Bản Tổng T, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông). V lấy dây rừng xâu vào treo mũi con trâu rồi dắt con trâu đi về hướng bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông rồi gọi điện cho Lương Văn H lên dắt con trâu mang đi bán và hẹn gặp nhau ở Khu vực Pù Xằng thuộc bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông. H đồng ý và rủ thêm Vi Văn T, cùng đi dắt trâu trộm về bán. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, V dắt theo con trâu gặp T và H ở Pù X thuộc bản Hồng Đ. V giao lại con trâu cho H và T, T đi trước dắt trâu còn H đi theo sau đi về chòi của H ở Khe Ó thuộc bản Hồng Đ, xã Đôn Ph, huyện Con Cuông. Đến nơi, T buộc trâu ở gần chòi H rồi đi về nhà ngủ, H lấy điện thoại gọi cho Phạm Đức T và hỏi “có mua trâu lậu không?” (ý nói có mua trâu trộm không), T đồng ý. Đến sáng hôm sau, T thuê xe ô tô của anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1992, trú tại Thôn Tiến Th, xã Chi Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An vào chở trâu và mua con trâu với giá 11.000.000 đồng nhưng T chỉ trả trước cho H số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi

đưa trâu về nhà, T bán con trâu cho xe thu mua trâu bò đi qua đường(không rõ tên tuổi, địa chỉ của người mua) với giá 20.000.000 đồng và T trả cho H 10.000.000 đồng, số tiền còn lại T dùng mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu đỏ. Số tiền bán trâu H chia cho V số tiền 2.500.000 đồng và chia cho T số tiền 2.500.000 đồng.

Trong tháng 5 năm 2021, ông Vi Quang T, anh Vi Văn Thủy, anh Lữ Văn T, anh Lương Văn M, ông Vi Văn L, chị Nguyễn Thị M và anh Vi Văn L có đơn trình báo gửi công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An về việc bị mất trâu, bò có đặc điểm phù hợp với các con bò, trâu mà Vi Văn Nh, Vi Văn V, Vi Văn N, Vi Văn T và Lương Văn H đã trộm cắp.

Tại kết luận định giá tài sản số: 12/HĐĐGTSTTHS ngày 26/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản TTHS - Huyện Con Cuông kết luận:

- 01 con bò mẹ màu vàng, gần 4 tuổi, sừng dài 10 cm. Tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 9.000.000 đồng.

- 01 con bò con khoảng 6 tháng tuổi, màu vàng, hai bên thái dương phía trên mắt có 02 chấm trắng nhỏ. Tại thời điểm bị mất trộm có giá là: 4.000.000 đồng.

- 01 con trâu cái, màu đen, có sừng dài 50cm, khoảng 8 tuổi. Tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 23.000.000 đồng.

- 01 con bò cái, màu vàng, khoảng 5 tuổi, chưa có sừng, cao 1,2m, nặng khoảng 120kg. Tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 9.000.000 đồng.

- 01 con bò cái, màu vàng, khoảng 8 tuổi, có sừng dài 10cm, cao 1,2m, nặng khoảng 150kg. Tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 10.000.000 đồng.

- 01 con bò cái, màu vàng, khoảng 7 tuổi, có sừng dài 8cm, cao 1,2m, nặng khoảng 150kg. Tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 9.500.000 đồng.

- 01 con bò cái, màu vàng, khoảng 4 tuổi, có sừng 1,5cm, cao 1,1m, nặng khoảng 100kg. Tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 8.000.000 đồng.

- 01 con bò cái, màu vàng, khoảng 4 tuổi, có sừng dài 3cm, cao 1,2m, nặng khoảng 120kg. Tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là: 9.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Các con trâu, bò do các bị cáo trộm cắp đã bán qua nhiều người nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Con Cuông thu giữ của Phạm Đức T 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu đỏ, 01 giấy mua bán xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô- xe máy. Đây là xe Phạm Đức T dùng tiền do bán trâu để mua nhưng sau đó T đã khắc phục hậu quả trả lại số tiền trên nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đã trả lại chiếc xe mô tô cho T.

Đối với những chiếc điện thoại mà Vi Văn N, Vi Văn Nh, Lương Văn H và Phạm Đức T dùng để liên lạc bán trâu, H và T đã làm mất nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An không thu giữ được.

Về dân sự:

Trong quá trình điều tra gia đình của bị cáo Nh đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 9.500.000 đồng, ông Vi Quang T số tiền 4.000.000 đồng, anh Vi Văn Thủy số tiền 6.000.000 đồng, anh Lữ Văn T số tiền 6.000.000 đồng, anh Lương Văn M số tiền 4.000.000 đồng, ông Vi Văn L số tiền 3.000.000 đồng. Các gia đình không yêu cầu gì thêm đối với Vi Văn Nh. Người bị hại chị Nguyễn Thị M, ông Vi Quang T, anh Vi Văn Thủy, anh Lữ Văn T, anh Lương Văn M, ông Vi Văn L không yêu cầu bị cáo Nh phải bồi thường gì thêm.

Gia đình bị cáo Nh đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 6.500.000 đồng, ông Vi Quang T số tiền 2.000.000 đồng, anh Vi Văn Thủy số tiền 2.000.000 đồng, anh Lữ Văn T số tiền 2.000.000 đồng, anh Lương Văn M số tiền 1.000.000 đồng, ông Vi Văn L số tiền 3.000.000 đồng. Người bị hại chị Nguyễn Thị M, ông Vi Quang T, anh Vi Văn Thủy, anh Lữ Văn T, anh Lương Văn M, ông Vi Văn L không yêu cầu bị cáo Nh phải bồi thường gì thêm.

Gia đình bị cáo H đã bồi thường cho anh Vi Văn L số tiền 6.000.000 đồng; bị cáo Phạm Đức T bồi thường cho anh Lai số tiền 9.000.000 đồng; bị cáo Vi Văn T bồi thường cho anh Lai số tiền 2.500.000 đồng. Người bị hại anh Vi Văn L không yêu cầu bị cáo H, Tinh và T phải bồi thường gì thêm.

Gia đình bị cáo Vi Văn V đền bù cho ông Vi Quang T, anh Vi Văn Thủy, Lữ Văn T mỗi người 4.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lương Văn M, số tiền 3.000.000 đồng, bồi thường cho ông Vi Văn L số tiền 3.000.000 đồng và bồi thường cho anh Vi Văn L số tiền 2.500.000 đồng. Người bị hại ông Vi Quang T, anh Vi Văn Thủy, anh Vi Văn L, anh Lữ Văn T, anh Lương Văn M, ông Vi Văn L không yêu cầu bị cáo V phải bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số: 62/CT-VKS-CC ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông đã truy tố các bị cáo Vi Văn Nh, Vi Văn V, Vi Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173; Vi Văn T và Lương Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Phạm Đức T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Bản thân các bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Công giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử đề nghị: giữ nguyên việc truy tố bị cáo Vi Văn Nh, Vi Văn V, Vi Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Lương Văn H và Vi Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Phạm Đức T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn Nh từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn H từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án; Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Cơ quan điều tra, Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; tham gia phiên tòa đúng thời gian,

địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

- Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vi Văn Nh, Vi Văn V, Vi Văn N, Lương Văn H, Vi Văn T và Phạm Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội. Phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 10/2020 đến tháng 5/2021, tại xã Cam L và xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An Vi Văn Nh, Vi Văn N đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản (bảy con bò) có giá trị là 58.500.000 đồng; Vi Văn V thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản (05 con bò và 01 con trâu) có giá trị là 68.500.000 đồng; Vi Văn T và Lương Văn H thực hiện một vụ trộm cắp tài sản (01 con trâu) có giá trị 23.000.000 đồng. Đối với Phạm Đức T mặc dù biết con trâu Lương Văn H bán là do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi bất chính, Tiền vẫn mua để bán lại kiếm lời. Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là lén lút, lợi dụng sơ hở của người bị hại để chiếm đoạt tài sản, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết tội Nh, V, Nh phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173; T và H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ Luật hình sự

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, có nhiều bị cáo cùng tham gia nhưng không có sự bàn bạc phân công thực hiện tội phạm, sự liên kết trong các hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm

lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nhất là tình trạng trộm cắp trâu bò thường xuyên xảy ra và có chiều hướng gia tăng trên địa bàn. Các bị cáo ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do lười lao động, hám lợi bất chính và để có tiền tiêu xài cá nhân các bị cáo đã ngang nhiên trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình. Điều đó chứng tỏ các bị cáo là người liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm để bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét về vị trí, vai trò, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Vi Văn V là người khởi xướng việc trộm cắp trâu bò để cho Vi Văn Nh bán kiếm lời và V cũng là người thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nhất. Bị cáo Nh và Vi Văn N lẽ ra khi nghe V khởi xướng rủ rê phải ra sức can ngăn nhưng các bị cáo không làm được điều đó mà còn cùng với V thực hiện tội phạm một cách tích cực nên các bị cáo cũng phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Lương Văn H và Vi Văn T là cũng là người bị V rủ rê thực hiện tội phạm nhưng bản thân các bị cáo chỉ thực hiện với vai trò là người giúp sức, số tiền chiếm đoạt ít hơn nên các bị cáo chịu mức án thấp hơn. Bị cáo Phạm Đức T do hám lợi nên đã bất chấp pháp luật, biết rõ tài sản do H và T phạm tội mà có nhưng vẫn thực hiện hành vi tiêu thụ và chính hành vi của bị cáo đã làm gia tăng các loại tội chiếm đoạt tài sản trong xã hội vì vậy cũng cần phải xử lý nghiêm đối với T.

[5]. Các bị cáo Vi Văn Nh, Vi Văn V, Vi Văn N phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo Vi Văn T, Lương Văn H và Phạm Đức T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự nguyện khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị can Lương Văn H có mẹ là bà Mạc Thị H được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba nên xét thấy cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và chịu sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, qua đó cũng đủ để các bị cáo có cơ hội trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời thể hiện sự tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173; khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng xét thấy các bị cáo đều là người

có hoàn cảnh gia đình thuộc diện khó khăn, tài sản không có nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[7]. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An có thu giữ của Vi Văn Nh số tiền 58.100.000 đồng nhưng quá trình điều tra xác định số tiền này không phải do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng theo quy định của pháp luật nên miễn xét.

[8]. Trong vụ án có anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn Th là những người đã mua bò do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng qua điều tra đã xác định được khi mua bò anh Thảo và anh Công không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý hình sự, song cũng cần nhắc nhở anh Thảo, anh Công khi mua bán tài sản cần tìm hiểu rõ nguồn gốc để tránh tiếp tay cho tội phạm.

Đối với Nguyễn Trọng Đ là người được Phạm Đức T thuê chở trâu nhưng anh Định không biết đó là trâu do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Vi Văn Nh, Vi Văn V, Vi Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vi Văn Nh 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/5/2021.

Xử phạt bị cáo Vi Văn V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/5/2021.

Xử phạt bị cáo Vi Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19/5/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn H và Vi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Văn H 11 (mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 10 (mười) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2021.

Xử phạt bị cáo Vi Văn T 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2021.

Giao bị cáo Lương Văn H và Vi Văn T cho chính quyền địa phương UBND xã Đôn Ph, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo theo quy định tại Điều 94 của Luật thi hành án hình sự và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2021.

Giao bị cáo Phạm Đức T cho chính quyền địa phương UBND xã Bồng Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo theo quy định tại Điều 94 của Luật thi hành án hình sự và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Vi Văn Nh, Vi Văn V, Vi Văn N, Vi Văn T, Lương Văn H và Phạm Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Con Cuông;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Con Cuông;
- CQTHAHS huyện Con Cuông;
- CCTHADS huyện Con Cuông;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

